

Số: 48 /2015/QĐ-UBND

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 10 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung giá cây măng tây vào Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 204/2010/QĐ-UBND ngày 04/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 134/TTr-SNNPTNT ngày 15 tháng 7 năm 2015, Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1157/BC-STP ngày 26 tháng 6 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung giá cây măng tây vào Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 204/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, như sau:

1. Bổ sung cây măng tây vào số thứ tự 46, mục II của Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh như sau:

STT	Loại cây	Đơn vị tính	Loại mới trồng	Loại chưa thu hoạch	Loại thu hoạch	Loại già cỗi
II	Cây lâu năm					
46	Mãng tây	Đồng/ha				
	Giai đoạn kiến thiết cơ bản dưới 6 tháng tuổi	Đồng/ha			305.400.000	
	Giai đoạn từ 6 tháng tuổi đến dưới 01 năm tuổi	Đồng/ha			434.900.000	
	Giai đoạn từ 01 năm tuổi trở đi	Đồng/ha			490.400.000	

2. Bổ sung cây măng tây vào số thứ tự 37, Phụ lục 2 như sau:

STT	Loại cây	Đơn vị tính	Mật độ cây
37	Mãng tây	cây/ha	20.000

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, NC, TCD, TH;
- Công Thông tin điện tử Ninh Thuận;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. QMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh